

Số: /QĐ-UBND

Hiệp Hòa, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 889/TTr-TNMT ngày 15/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Hiệp Hòa, địa chỉ tại: thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Bến xe phía Nam huyện Hiệp Hòa”, địa chỉ tại thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Bến xe phía Nam huyện Hiệp Hòa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa.

- Giấy đăng ký kinh doanh số: 2400740997 đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 09 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 15 tháng 11 năm 2018.

- Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số: 287/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Giang.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bến xe khách và trung tâm đăng kiểm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa với tổng diện

tích sử dụng đất 24.000m².

- Quy mô, công suất của dự án: Bến xe khách phục vụ 1.800 lượt xe ra vào bến/năm; Trung tâm đăng kiểm với quy mô đăng kiểm 18.000 xe/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Hiệp Hòa được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Hiệp Hòa có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Hiệp Hòa có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND xã Lương Phong nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND xã Lương Phong.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép

này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Lương Phong, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Bến xe phía Nam huyện Hiệp Hòa” tại thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Hiệp Hòa được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Lương Phong; Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Hiệp Hòa và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT (lưu h/s);
- UBND xã Lương Phong;
- LĐVP, CV KTNN;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Thảo

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày / /2022 của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, người lao động làm việc tại dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 2,4m³/ngày.đêm của dự án được xả vào hệ thống thu gom nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước khu vực thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại vị trí ống dẫn nước thải PVC D110 của cơ sở dẫn vào hệ thống thoát nước khu vực thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải ra nguồn tiếp nhận: (X: 2361649; Y: 395075 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°) sau đó dẫn vào hệ thống thoát nước khu vực thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,4m³/ngày.đêm, tương đương 0,1 m³/giờ (tính theo 24h).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tại 04 bể tự hoại, mỗi bể thể tích 12m³ (3x2x2m), với tổng thể tích 48m³ theo đường ống dẫn nước thải bằng ống PVC D110 dẫn đến hệ thống thoát nước khu vực thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa.

Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột B, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn của các chất ô nhiễm (theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	6 tháng/lần
2	BOD ₅	Mg/l	50	
3	TSS	Mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	Mg/l	1.000	
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S)	Mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	Mg/l	10	
7	Phosphat (Tính theo P)	Mg/l	10	
8	Nitrat (Tính theo N)	Mg/l	50	
9	Dầu mỡ động thực vật	Mg/l	20	
10	Coliform	MPN/100ml	5.000	
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	Mg/l	10	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom về 04 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Nước thải sau khi được xử lý theo đường ống dẫn nước thải bằng ống PVC D110 dẫn đến hệ thống thoát nước khu vực thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Gồm 04 bể tự hoại 3 ngăn, mỗi bể thể tích 12m³ (3x2x2m), với tổng thể tích 48m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thoát nước của khu vực. Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B trước khi thải vào hệ thống thoát nước khu vực thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa.

- Công nghệ xử lý: Bể tự hoại 3 ngăn.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 48m³/ngày đêm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Khắc phục sự cố hỏng hóc đường ống thu gom và thoát nước thải:

- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện kịp thời hỏng hóc và tiến hành sửa chữa tránh gây ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước chung của khu vực.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thải vào hệ thống thoát nước khu vực thôn Chóp, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó với sự cố môi trường có thể xảy ra.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2022
của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Các phương tiện giao thông vận chuyển hành khách, hàng hóa ra vào dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- 01 vị trí tại khu vực bến xe: Tọa độ (X = 2361578; Y = 395138)

- 01 vị trí tại khu vực trung tâm đăng kiểm: Tọa độ (X = 2361649; Y = 395109)
(Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực bến xe
2	70	55	06 tháng/lần	Khu vực trung tâm đăng kiểm

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lựa chọn các loại phương tiện có tiếng ồn thấp.
- Kiểm tra định kỳ mức ồn cho các phương tiện để đạt mức ồn theo tiêu chuẩn cho phép.

- Có nội quy yêu cầu đề nghị hành khách ra vào bến giữ trật tự chung.

- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2022
của UBND huyện Hiệp Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

- 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:
- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khoảng 48kg/năm.
 - Chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải, với khối lượng:

TT	Chất thải	Đơn vị	Khối lượng/tháng	Khối lượng/năm
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	0,5	6
2	Giẻ lau dính dầu mỡ	Kg	2	24
3	Dầu mỡ thải	Kg	1,5	18
	Tổng khối lượng		4	48

- 1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh
- Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên khoảng 20 kg/ngày, tương đương với 600 kg/tháng. Chất thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, hộp đựng đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, vỏ hoa quả,..
 - Bùn thải phát sinh trong quá trình xử lý nước thải với tổng lượng phát sinh khoảng 0,02m³/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Mỗi loại chất thải phát sinh, công nhân thu gom đựng vào một thùng chứa riêng, có nắp đậy, lưu giữ tại khu vực chứa chất thải nguy hại riêng theo quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Thiết bị lưu chứa: Trang bị 3 thùng chứa chất thải nguy hại dung tích 120 lít/thùng; các thùng chứa có nắp riêng, dán nhãn mác đối với từng loại chất thải nguy hại thu gom, lưu giữ chất thải.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa: 6m² (3x2m).

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền được đổ bê tông, có mái che, xây tường kín xung quanh có cửa ra vào riêng biệt. Bên ngoài kho có dán biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí khoảng 10 xô, thùng chứa có nắp đậy dung từ 10 - 60 lít tại các khu vực nhà điều hành, nhà bán vé, nhà chờ xe, trung tâm đăng kiểm để gom rác thải phát sinh sau đó cuối ngày thu gom tập kết tại công.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Kiểm tra thường xuyên hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải để phát hiện kịp thời hỏng hóc và tiến hành sửa chữa tránh gây ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2022
của UBND huyện Hiệp Hòa)*

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động, Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Hòa để được hướng dẫn giải quyết.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi xả thải ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực. Quan trắc môi trường định kỳ hàng năm theo nội dung báo cáo đề xuất giấy phép môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.